TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HS-ST
Ngày 08-5-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ,

Bà Bùi Thúy Mở.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/HSST-QĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1978 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M; có chồng là Bùi Văn H và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Tại Bản án số 383/HS-PT ngày 22 tháng 03 năm 2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích); bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến ngày 04 tháng 6 năm 2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú do bị can đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Bùi Văn Bình - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Bùi Trung C, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn 16, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Trần Văn M, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn 16, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Anh Cù Thanh X; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Phú H; vắng mặt.

Người làm chứng: Anh Đồng Thanh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25 tháng 5 năm 2017, Tổ công tác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp với Công an xã Thủy Sơn làm nhiệm vụ tại thôn 5 xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã phát hiện Cù Thanh X, sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng và Bùi Trung C, sinh năm 1998, trú tại xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng có biểu hiện cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã kiểm tra và thu giữ của C 01 túi nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Quá trình bắt giữ còn có Nguyễn Phú H, sinh năm 1982 trú tại xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng là người lái xe ôm chở C và X. Thu giữ của H 01 xe mô tô biển kiểm soát 16N1-1099. Tổ công tác đã đưa C, X và H cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Thủy Sơn lập biên bản vụ việc.

Trong cùng khoảng thời gian này, Tổ công tác khác thuộc Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện Thủy Nguyên kết hợp với Công an xã Thủy Đường làm nhiệm vụ tại thôn Xanh Soi, xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã phát hiện Trần Văn M, sinh năm 1997, trú tại xã H, huyện T và Đồng Thanh T, sinh năm 1973, trú tại xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng có biểu hiện cất giữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã kiểm tra và thu giữ của M 01 túi nilon bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia. Tổ công tác đã đưa M và T cùng vật chứng về trụ sở Công an xã Thủy Đường lập biên bản vụ việc.

Tại Cơ quan điều tra Cù Thanh X, Bùi Trung C, Trần Văn M và Đồng Thanh T đều khai về nguồn gốc số ma túy công an thu giữ của C, X, M, T là mua của Nguyễn Thị Thu N ở xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng với mục đích để sử dụng cho bản thân.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của N, Cơ quan điều tra thu giữ: 01 túi giả da có hai ngăn ở sát bờ tường của nhà trọ gần vị trí N đứng, bên trong có 32 túi nilon bên trong đều có chứa tinh thể màu trắng, trong đó ngăn thứ nhất có 01 túi nilon (kích thước 10cm x 07 cm); ngăn thứ hai có 04 túi nilon (kích thước 10cm x 07 cm) gồm: 01 túi nilon đựng 09 túi nilon nhỏ, 01 túi nilon có dán một vạch băng dính màu đen đựng 04 túi nilon nhỏ, 01 túi nilon có dán 02 vạch băng dính màu

đen đựng 12 túi nilon nhỏ, 01 túi nilon có dán 03 vạch băng dính màu đen đựng 06 túi nilon nhỏ. Thu tại nhà kho gần phòng ngủ của N: 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế, 01 bật lửa dạng khò, 01 đoạn ống hút nhựa có bám dính tinh thể màu trắng (nghi là ma túy), 01 túi giả da bên trong có 55 vỏ túi nilon, 01 cân điện tử, 01 chiếc kéo, 01 cuộn băng dính màu đen, 03 nỏ thủy tinh. Thu dưới gầm tủ trong phòng ngủ của N 03 túi nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng (nghi là ma túy). Cơ quan Công an còn thu giữ của N 01 điện thoại di động.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017 Nguyễn Thị Thu N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên bắt khẩn cấp. Quá trình bắt giữ tại nơi ở của N còn có Bùi Văn H, sinh năm 1968, trú tại xã T, huyện T.

Quá trình điều tra mở rộng vụ án, xác định có các đối tượng nghiện mua ma túy của N bao gồm: Cù Thanh X, Bùi Trung C, Trần Văn M, Đồng Thanh T đều khai nhận đã nhiều lần mua ma túy đá của N để sử dụng, giá mua tùy theo số lượng người mua và do các bên thỏa thuận. Việc giao dịch mua bán ma túy thông qua số điện thoại 0965.590.178 của N. Địa điểm giao ma túy tại nhà trọ của N tại thôn 5, xã T, huyện T, N đứng trong sân nhà trọ giao ma túy qua lỗ khóa cổng. Trong khoảng thời gian từ ngày 09 tháng 5 năm 2017 đến ngày 25 tháng 5 năm 2017, M cùng với C, X, T đã nhiều lần mua ma túy của N, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 5 năm 2017, M, X, C góp được 200.000 đồng mua ma túy về sử dụng chung; M là người cầm tiền, trực tiếp giao dịch và mua của N 01 túi ma túy đá giá 200.000 đồng. Lần thứ hai vào khoảng 17 giờ 15 phút ngày 23 tháng 5 năm 2017, M và C góp được 200.000 đồng mua ma túy để sử dụng chung; khi M liên lạc qua điện thoại của N thì thấy có tiếng người đàn ông trả lời N có nhà. M, C đến nhà N mua 01 túi ma túy đá giá 200.000 đồng thì có người đàn ông nhận tiền, giao ma túy cho M. Lần thứ ba vào khoảng 17 giờ ngày 24 tháng 5 năm 2017, M và C góp được 200.000 đồng mua ma túy để sử dụng chung; khi đến nhà N mua ma túy thì thấy người đàn ông đã bán ma túy cho M, C ngày 23 tháng 5 năm 2017 nhận tiền và giao cho M 01 túi ma túy đá với giá 200.000 đồng. Lần thứ tư vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 5 năm 2017, M và T góp được 200.000 đồng mua ma túy về sử dụng chung; M, T mua của N 01 túi ma túy đá giá 200.000 đồng. Trên đường M, T tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị Công an bắt quả tang cùng vật chứng tại thôn 5 xã Thủy Sơn như nội dung nêu trên. Lần thứ năm cùng khoảng thời gian 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 5 năm 2017, C và X góp được 200.000 đồng và đến mua của N 01 túi ma túy đá giá 200.000 đồng. Trên đường C và X tìm chỗ sử dụng ma túy thì bị Công an bắt quả tang cùng vật chứng tại thôn Xanh Soi xã Thủy Đường như nội dung nêu trên. Trần Văn M còn khai trong số những lần M mua ma túy của N vào các ngày 23 và 24 tháng 5 năm 2017 thì Bùi Văn H là người giao ma túy cho M.

Tại Cơ quan điều tra, N khai: Bùi Văn H là chồng của N, cả hai thuê nhà trọ để ở. Do bản thân nghiện ma túy nên N thường xuyên mua ma túy về sử dụng và bán lại cho đối tượng nghiện khác kiếm lời. Việc mua bán ma túy do N thực hiện một mình, H không biết và không tham gia bán ma túy cùng N. N thường mua ma túy của người không quen biết ở khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng, mang về chia nhỏ, đóng gói để bán. N quy định: túi nilon không dán băng dính bán với giá

50.000 đồng/túi, N được lãi 5.000 đồng; túi nilon dán một vạch băng dính đen bán với giá 100.000 đồng/túi, N được lãi 10.000 đồng; túi nilon dán hai vạch băng dính đen bán với giá 200.000 đồng/túi, N được lãi 30.000 đồng; túi nilon dán ba vạch băng dính đen bán với giá 300.000 đồng/túi, N được lãi 40.000 đồng. Người nghiện liên lạc với N qua điện thoại và trực tiếp đến mua ma túy tại nhà trọ của N. Về nguồn gốc số ma túy công an thu giữ khi khám xét nhà N là của N mua ngày 24 tháng 5 năm 2017 với giá 3.000.000 đồng. N bán ma túy cho nhiều người nhưng không nhớ chính xác thời gian, số lượng ma túy cụ thể. N chỉ nhớ bán cho M như nội dung nêu trên. N không biết ai đi cùng M, N chỉ giao dịch bán ma túy cho M, N không biết và không bán ma túy cho C, X, T. Bùi Văn H khai nhận: H không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy của N. H chưa từng bán ma túy cho ai. H không quen biết và không bán ma túy cho M và C. Nguyễn Phú H khai: H làm nghề lái xe ôm, chở X, C từ xã Lưu Kiếm đến thôn 5, xã Thủy Sơn thì bị công an kiểm tra. Hùng không biết, không liên quan đến việc C, X mua bán ma túy và chứng kiến việc Cơ quan Công an bắt giữ C, X như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Thu N chỉ thừa nhận bán ma túy cho Cù Thanh X, Trần Văn M và Đồng Thanh T vào các thời gian như đã nêu trên; không thừa nhận bán ma túy cho Bùi Trung C và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại bản Kết luận giám định số 727/PC54 ngày 28/5/2017, số 728 ngày 29/5/2017 và số 731/PC54 ngày 30/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tinh thể màu trắng chứa trong túi nilon thu của C nặng 0,1839 gam, có Methamphetamine trong đó trọng lượng Methamphetamine là 0,1336 gam; tinh thể màu trắng chứa trong túi nilon thu của M nặng 0,1915 gam có Methamphetamine, trong đó trọng lượng Methamphetamine là 0,1340 gam; tinh thể màu trắng chứa trong 32 túi nilon thu giữ ở vị trí gần chỗ N đứng nặng 14,3803 gam, có Methamphetamine, trong đó trọng lượng Methamphetamine là 10,2574 gam; tinh thể màu trắng chứa trong 03 túi nilon thu dưới gầm tủ trong phòng ngủ của N nặng 0,5154 gam có Methamphetamine, trong đó trọng lượng Methamphetamine là 0,3820 gam; tinh thể màu trắng bám dính trong đoạn ống hút nhựa có Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng.

Vật chứng của vụ án gồm: 02 phong bì niêm phong số ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp giấy niêm phong số ma túy còn lại sau giám định và 01 túi giả da, 01 phong bì niêm phong ống hút nhựa sau giám định, 01 cân điện tử, 55 vỏ túi nilon, 01 cuộn băng dính màu đen, 01 bộ đồ sử dụng ma túy 01 bật lửa dạng khò, 03 nỏ thủy tinh, 01 túi giả da, 03 điện thoại di động.

Bà Kiểm sát viên và bị cáo đồng ý với nội dung kết quả của các Kết luận giám định số 727, 728 và 731, không có ý kiến hay khiếu nại gì.

Bản Cáo trạng số 29/2018/CT-VKS ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố bị cáo N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 (BLHS năm 1999). Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS năm 1999, Điều 38 và điểm s khoản 1 và

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015), Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt bị cáo N từ 09 năm đến 10 năm tù; không phạt tiền bị cáo; về vật chứng đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 47 của BLHS năm 2015 tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong số ma túy còn lại sau giám định, 01 hộp giấy niêm phong số ma túy còn lại sau giám định và 01 túi giả da, 01 phong bì niêm phong ống hút nhựa sau giám định, 01 cân điện tử, 55 vỏ túi nilon, 01 cuộn băng dính màu đen, 01 bộ đồ sử dụng ma túy 01 bật lửa dạng khò, 03 nỏ thủy tinh, 01 túi giả da là công cụ phạm tội không còn giá trị sử dụng; tịch thu sung công quỹ 03 điện thoại di động; truy thu sung công quỹ 1.000.000 đồng do N mua bán ma túy trước đó mà có; miễn nộp án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: Đồng ý với hành vi phạm tội điều luật áp dụng đối với bị cáo như lời luận tội của bà Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; miễn hình phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án, bị cáo trình bày nhận thức rõ hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Tinh thể màu trắng bị cáo Nguyễn Thị Thu N bán cho C và M là Methamphetamine có trọng lượng 0,2676 gam, ngoài ra bị cáo còn cất giữ 10,6394 gam Methamphetamine với mục đích để bán. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy. Căn cứ vào lời khai của những người liên quan xác định được bị cáo đã bán ma túy cho M, X và C vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 22 tháng 8 năm 2017, bán cho M và C vào hồi 17 giờ 15 phút ngày 23 tháng 5 năm 2017; bán cho M và C vào hồi 17 giờ ngày 24 tháng 5 năm 2017; bán cho M và T vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 5 năm 2017; bán cho C và X vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 25 tháng 5 năm 2017. Với hành vi nêu trên, bị cáo N đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung là phạm tội nhiều lần; tội phạm và hình phạt đối với bị cáo được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của BLHS năm 1999. Các chứng cứ xác định bị cáo không có tội bị loại trừ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm, vi phạm pháp luật về phòng chống ma túy, tác động xấu đến kinh tế, xã hội, an ninh trật tự, đạo đức, lối sống, văn hóa, hạnh phúc gia đình và sức khỏe của người khác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đã được xóa án tích đối với Bản án số 383/HS-PT ngày 22 tháng 03 năm 2004 nhưng chứng tỏ nhân thân xấu; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và có mẹ đẻ tham gia thanh niên xung phong trong thời kỳ kháng chiến được Nhà nước ghi nhận là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

[4] Về hình phạt: Với phân tích trên, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn và xử phạt bị cáo với mức án trên mức khởi điểm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Tại khoản 5 Điều 194 của BLHS năm 1999 quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền, nhưng bị cáo không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành nên không phạt tiền bị cáo.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng: 02 phong bì niêm phong ma túy còn lại sau giám định, 01 phong bì niêm phong ống hút nhựa sau giám định, 01 hộp giấy niêm phong ma túy còn lại sau giám định, 55 vỏ túi nilon, 02 túi giả da, 01 cân điện tử, 01 cuộn băng dính màu đen, 03 nỏ thủy tinh, 01 bật lửa dạng khò, 01 kéo là vật chứng của vụ án, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo bán ma túy cho M, C, X và T mà có cần truy thu nộp sung quỹ Nhà nước; 03 chiếc điện thoại di động (gồm 01 điện thoại LG màu trắng, 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia) đã dùng để liên lạc trao đổi, mua bán ma túy, cần tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước.

[6] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc hành vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự. Đối với Cù Thanh X, Bùi Trung C, Trần Văn M và Đồng Thanh T là những người mua ma túy của N để sử dụng cho bản thân; do lượng ma túy không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên đã xử lý hành chính là phù hợp pháp luật. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 16N1-1099, quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là Nguyễn Phú H, anh H và phương tiện không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý và trả lại xe cho anh H sử dụng là phù hợp pháp luật. Đối với Bùi Văn H do chưa đủ căn cứ chứng minh là người đã bán ma túy cho M nên cơ quan điều tra tách ra làm rõ để xử lý sau là phù hợp pháp luật.

Về án phí, bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Về quyền kháng cáo, bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; xử phạt:

Nguyễn Thị Thu N 10 (Mười) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, trừ cho bị cáo thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến ngày 04 tháng 6 năm 2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong ma túy còn lại sau giám định, 01 phong bì niêm phong ống hút nhựa sau giám định, 01 hộp giấy niêm phong ma túy còn lại sau giám định, 55 vỏ túi nilon, 02 túi giả da, 01 cân điện tử, 01 cuộn băng dính màu đen, 03 nỏ thủy tinh, 01 bật lửa dạng khò, 01 kéo, truy thu của bị cáo 1.000.000 (Một triệu đồng) để nộp sung quỹ Nhà nước; tịch thu phát mại nộp sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu LG màu trắng, 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Iphone và 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen bị vỡ màn hình (chi tiết tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Thị Thu N.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan điều tra công an huyện Thuỷ Nguyên;
- Cơ quan THAHSCA huyện Thuỷ Nguyên;
- Trại giam công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam công an huyện Thuỷ Nguyên;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng